TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP **CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 787/TB - CHKQTTSN	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

THÔNG BÁO

Về việc: lựa chọn tổ chức bán đấu giá

- *Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số: 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày16/05/2017 của Chính phủ* quy định chi tiết một só điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;
- *Căn cứ vào Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài Chính Quy định về khung thù lao dịch vụ bán đấu giá;*

Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – CN Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
- Địa chỉ: 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Mã số thuế: 0311638525-003
- Điện thoại : 091.88.500.33

2. Tài sản, số lượng của tài sản đấu giá:

a. Tài sản, vật tư do Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất quản lý :

- Tài sản cố định : 31 mục
  Giá bán khởi điểm : 176.485.000 đồng.
- Vật tư thu hồi : 255 mục
  Giá bán khởi điểm : 190.219.508 đồng.
- Vật tư tồn kho không sử dụng : 52 mục
  Giá bán khởi điểm : 1.916.900 đồng.

b. 05 thang máy do văn phòng Tổng công ty quản lý:

- Tài sản cố định : 1 mục
- Giá bán khởi điểm : 40.000.000 đồng.

c. Tài sản do cảng hàng không Côn Đảo quản lý:

- Tài sản cố định : 4 mục
  Giá bán khởi điểm : 52.100.000 đồng.

d. Tài sản do cảng hàng không Liên Khương quản lý:

- Tài sản cố định : 4 mục
  Giá bán khởi điểm : 12.120.000đồng.
- Công cụ dụng cụ : 81 mục
  Giá bán khởi điểm : 3,071,000 đồng.

(Danh mục chi tiết đính kèm)

Tổng cộng giá bán khởi điểm: 475.912.408 VNĐ

(Bốn trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm mười hai ngàn bốn trăm lẻ tám đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

a. Tiêu chí bắt buộc:

STT	Hồ sơ yêu cầu	Tiêu chí	Bắt buộc
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố trong năm 2020	Có tên trong danh sách	X
2	Phương án đấu giá	Có đề xuất phương án đấu giá (đúng Quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của bên có tài sản, đảm bảo tính công khai minh bạch, khách quan và hiệu quả)	X
3	Hồ sơ Năng lực	-Giấy phép đăng ký hoạt động (bản photo có chứng thực) - Thẻ đấu giá viên (bản photo có chứng thực) - Bảng kê các hợp đồng đấu giá thành công. (Tối thiểu từ 02 hợp đồng trở lên)	X

b. Tiêu chí chấm điểm

TT	NỘI DUNG	Chấm điểm	
		Số điểm	Điểm tối đa
1	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc đấu giá tài sản (Các hồ sơ tài liệu phải được đóng dấu giáp lai)		20
1a	-Là tài sản riêng của công ty hoặc của thành viên sáng lập có đầy đủ trang thiết bị đảm bảo cho việc dấu giá (điểm tối đa là 5 điểm)	5	
	-Là tài sản đi thuê được Quyền sử dụng có đầy đủ trang thiết bị đảm bảo cho việc đấu giá	3	
1b	-Có hội trường đấu giá thuộc Quyền sở hữu hoặc được phép sử dụng Hội trường chứa trên 50 khách hàng	5	
	-Hội trường chứa dưới 50 khách hàng	3	
1c	-Có trang điện tử đang hoạt động	5	
1d	-Có camera giám sát việc bán hồ sơ và tiếp nhận đơn tham gia đấu giá	5	
2	Phương án đấu giá khả thi		20
2a	-Đăng thông tin bán đấu giá, niêm yết theo quy định	5	
2b	-Tổ chức bán hồ sơ và nhận đơn đăng ký tham gia đấu giá.	3	
2c	-Phương án đấu giá khả thi	10	
2d	-Tổ chức xem tài sản và tham khảo hồ sơ đấu giá	2	
3	Năng lực Kinh nghiệm		40
3a	Doanh nghiệp		

	Hoạt động trên 5 năm	10	
	Hoạt động trên 3 năm	7	
	Hoạt động dưới 3 năm	5	
3b	Số lượng Đấu giá viên (ĐGV) Mỗi đấu giá viên (đã được Sở Tư pháp cấp thẻ ĐGV): 2đ *(Điểm tối đa không qua 10 điểm)*	10	
3c	Thời gian hành nghề của Đấu giá viên		
	Đấu giá viên có chứng chỉ trên 5 năm	5	
	Đấu giá viên có chứng chỉ trên 3 năm	3	
	Đấu giá viên có chứng chỉ trên 3 năm	2	
3d	Năng lực bán vượt giá khởi điểm		
	Mỗi hợp đồng dịch vụ bán đấu giá là động sản có giá trị tương đương trở lên bán vượt từu 20-30% giá khởi điểm trong vòng 01 năm gần đây: 5đ (Có hợp đồng biên bản bán đấu giá bản sao để chứng minh). *(Điểm tối đa không quá 15 điểm)*	15	
4	Thù lao dịch vụ đấu giá (áp dụng theo thông tư 108/2020/TT-BTC)		10
	Giám trên 20% phí theo phần cứng của khung	10	
	Giám trên 10% phí theo phần cứng của khung	8	
	Giám dưới 10% phí theo phần cứng của khung	6	
5	Tiêu chí khác		10
5a	Mỗi hợp đồng đã thực hiện dịch vụ đấu giá tài sản tương tự: 2đ *(Điểm tối đa không quá 6 điểm)*	6	
5b	Mỗi hợp đồng đã thực hiện dịch vụ bán đấu giá với ngành đường sắt: 2đ *(Điểm tối đa không quá 4 điểm)*	4	
	Cộng		**100**

Ghi chú: trường hợp các đơn vị có số điểm bằng nhau thì ưu tiên chọn đơn vị có số lượng hợp đồng bán vượt giá khởi điểm cao và nhiều hơn, có hợp đồng bán tương tự.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng 302, Lầu 3, Tòa nhà Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Ga Quốc nội, Sân bay Tân Sơn Nhất.

ĐT liên hệ số: 0919.195.125– Bùi Văn Quyết

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá là 07 ngày đăng thông báo.

- Chi phí tham gia tổ chức đấu giá: 500.000 đồng/hồ sơ

Nếu tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn đến hết 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất thông báo lựa chọn gửi qua bưu điện mà không đến làm thủ tục ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì xem như từ chối ký kết hợp đồng và Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ liên hệ với tổ chức đấu giá tài sản có các tiêu chí phù hợp thứ 2 (sau tổ chức thứ nhất được chọn) để ký kết hợp đồng.

Lưu ý:

+ Người đến nộp trực tiếp phải mang theo giấy giới thiệu, CMND hoặc CCCD.

+ Hồ sơ phải được niêm phong và dán kín;

+ Không hoàn lại đối với hồ sơ không được lựa chọn.

Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất rất mong nhận được sự hợp tác của các Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp.

Trân trọng thông báo.

Q. GIÁM ĐỐC

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
M.S.C.N: 0311638525-003 - T.C.P
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường

Nơi nhận:
- Đang báo trên trang web ACV;
- Lưu: VT, P.TCKT

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
ĐƠN VỊ : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ

(Theo thông báo số 787 /TB-CHKQTTSN ngày 01 tháng 4 năm 2021)

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TỔNG CÔNG TY				
1	HT Thang máy - Nhà điều hành TCT (5 cái)	1280T010013	Hệ thống	1	Tân Sơn Nhất
II	CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT				
1	Máy bơm hơi	1221M010010	Cái	1	Tân Sơn Nhất
2	Máy photo Aficio MP 2000Le (Ricoh)	1401M050007	Cái	1	Tân Sơn Nhất
3	Xe cần cẩu chuyên dùng BS: 51C-641.87	1301X010001	Cái	1	Tân Sơn Nhất
4	Xe dẫn MB Mazda 323 số 7 51F-257.86	1301X090001	Cái	1	Tân Sơn Nhất
5	Xe Mitsubishi 7 chỗ BS: 51A-096.65	1303X010029	Cái	1	Tân Sơn Nhất
6	Xe Toyota Hiace 16 chỗ BS: 51B-185.53	1303X010109	Cái	1	Tân Sơn Nhất
7	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030004	Cái	1	Tân Sơn Nhất
8	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030005	Cái	1	Tân Sơn Nhất
9	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030006	Cái	1	Tân Sơn Nhất
10	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030007	Cái	1	Tân Sơn Nhất
11	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030010	Cái	1	Tân Sơn Nhất
12	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030011	Cái	1	Tân Sơn Nhất
13	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030017	Cái	1	Tân Sơn Nhất
14	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030018	Cái	1	Tân Sơn Nhất
15	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030019	Cái	1	Tân Sơn Nhất
16	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030021	Cái	1	Tân Sơn Nhất
17	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030022	Cái	1	Tân Sơn Nhất
18	Máy đọc thẻ lên tàu IER 600	1218M030023	Cái	1	Tân Sơn Nhất
19	Máy in thẻ hành lý Fujitzu F9860	1218M040129	Cái	1	Tân Sơn Nhất
20	Máy in thẻ hành lý Fujitzu F9860	1218M040130	Cái	1	Tân Sơn Nhất
21	Máy in thẻ hành lý Fujitzu F9860	1218M040131	Cái	1	Tân Sơn Nhất
22	BC xử lý hành lý check in sớm	1299T010011	Hệ thống	1	Tân Sơn Nhất
23	BC xử lý hành lý không được mã vạch	1299T010013	Hệ thống	1	Tân Sơn Nhất
24	Máy ĐHKK loại catsette âm trần TRANE cho hành lang ống lồng số 6,7 ga đi QN - Cty KTG	1208M020055	cái	1	Tân Sơn Nhất
25	Máy ĐHKK loại catsette âm trần TRANE cho hành lang ống lồng số 6,7 ga đi QN - Cty KTG	1208M020056	cái	1	Tân Sơn Nhất
26	Máy lạnh tủ đứng hiệu TRANE 3P/380V, 48.000 Btu/h - Phòng camera TTĐHSB	1408M010018	Cái	1	Tân Sơn Nhất

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
27	Máy khởi động MB 1 - Cty PVMĐ Sài gòn	1204M020004	Cái	1	Tân Sơn Nhất
28	Máy khởi động MB 2 - Cty PVMĐ Sài gòn	1204M020005	Cái	1	Tân Sơn Nhất
29	Máy khởi động MB 3 - Cty PVMĐ Sài gòn	1204M020006	Cái	1	Tân Sơn Nhất
30	Máy khởi động MB 4 - Cty PVMĐ Sài gòn	1204M020007	Cái	1	Tân Sơn Nhất
31	Xe Ford transit 16 chỗ - 51B-184.81	1303X010004	Cái	1	Tân Sơn Nhất
III	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CẢNG HÀNG KHÔNG CÔN ĐẢO**				
1	Máy soi chiếu hành lý Hi-scan 9075 - TTAN	1209M010023	Cái	1	Côn Đảo
2	Xe cứu hỏa Rosenbauer HK 55-96 số 2- SB Côn Sơn (BSX: 53A-5370)	1302X010005	Cái	1	Côn Đảo
3	Xe Toyota Hiace cứu thương 2 - TTKTKB (BSX: 51F-2285)	1302X020006	Cái	1	Côn Đảo
4	Máy photocopy	1402Q010003	Cái	1	Côn Đảo
	TỔNG				

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Hòa

QUYỀN GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-003 C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q.TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
ĐƠN VỊ : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

PHỤ LỤC 02
VẬT TƯ THU HỒI THANH LÝ

(Theo thông báo số 787/TB-CHKQTTSN ngày 01 tháng 4 năm 2021)

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
1	02ZCC.A001.0000013	Amply TOAA-1812, MCC: 02DCT00X013 (hỏng 100%)	Cái	1	
2	02ZCC.B001.0000058	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLN4988, MCC: 1401TK00058 (Hỏng 100%)	Cái	1	
3	02ZCC.B001.0000115	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLND542, MCC: 1401TK00115 (Hỏng 100%)	Cái	1	
4	02ZCC.B001.0000117	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLN3954, MCC: 1401TK00117 (Hỏng 100%)	Cái	1	
5	02ZCC.B001.0000118	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLN4389, MCC: 1401TK00118 (Hỏng 100%)	Cái	1	
6	02ZCC.B001.0000126	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLNE609, MCC: 1401TK00126 (Hỏng 100%)	Cái	1	
7	02ZCC.B001.0000127	Bộ đàm Motorola MTP850-890TLNE433, MCC: 1401TK00127 (Hỏng 100%)	Cái	1	
8	02ZCC.B001.0009016	Bộ đàm GP328-672TKCM491, MCC: 02BDA09X016 (Hỏng 100%)	Cái	1	
9	02ZCC.B001.0012011	Bộ đàm cái, MCC: 02BDA12X011(Hỏng 100%)	Cái	1	
10	02ZCC.B001.0012015	Bộ đàm GP328 - 672TNND205, MCC: 02BDA12X015 (Hỏng 100%)	Cái	1	
11	02ZCC.B001.0013052	Bộ đàm GP328-672THJY123, TFLA082, MCC: 02BDA13X052 (Hỏng 100%)	Cái	2	
12	02ZCC.B001.2005008	Bộ đàm Motorola GP328-672TNQB617, MCC: 02BDA05X008 (hỏng 100%)	Cái	1	
13	02ZCC.B001.2005009	Bộ đàm Motorola GP328-672TJNP517, MCC: 02BDA05X009 (Hỏng 100%)	Cái	1	
14	02ZCC.B001.2005010	Bộ đàm Motorola GP328-672TGYM944, MCC: 02BDA05X010 (Hỏng 100%)	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
15	02ZCC.B001.2005011	Bộ đàm Motorola GP328-672TNYJ539, MCC: 02BDA05X011 (Hỏng 100%)	Cái	1	
16	02ZCC.B001.2007007	Bộ đàm cầm tay Motorola GP328-672THM9266, MCC: 02BDA07X007 (Hỏng 100%)	Cái	1	
17	02ZCC.B001.2009017	Bộ đàm cầm tay Motorola GP328-672TKCM492, MCC: 02BDA09X017 (Hỏng 100%)	Cái	1	
18	02ZCC.B001.5000182	Bộ đàm gắn xe Motorola GM338, Se No: 103TMWE182	Cái	1	
19	02ZCC.B001.5000303	Bộ đàm gắn xe Motorola GM338 MCC: 02BDA13X003	Cái	1	
20	02ZCC.B002.0000010	Băng ghế	Băng	2	
21	02ZCC.B002.0000040	Băng ghế 4 chỗ, MCC: 02BGH00X004 (Hỏng 100%)	Cái	1	
22	02ZCC.B004.0000011	Bình khí Oxy (Hỏng 100%)	Bình	1	
23	02ZCC.B005.0100010	Bình cứu hỏa các loại	Cái	63	
24	02ZCC.B006.0000010	Bình nước nóng lạnh (hỏng 100%)	Cái	3	
25	02ZCC.B006.0010005	Bình nước nóng lạnh, MCC: 02BNU10X005 (Hỏng 100%)	Cái	1	
26	02ZCC.B009.0000215	Bộ lưu điện Santak, MCC: 02UPS13X015 (hỏng 100%)	Cái	1	
27	02ZCC.B009.0000217	Bộ lưu điện Santak, MCC: 02UPS13X017 (hỏng 100%)	Cái	1	
28	02ZCC.B009.0013011	Bộ lưu điện Santak 500TG, MCC: 02UPS13X011 (Hỏng 100%)	Cái	1	
29	02ZCC.B009.0013012	Bộ lưu điện Santak 500TG, MCC: 02UPS13X012 (Hỏng 100%)	Cái	1	
30	02ZCC.B115.0000010	Bộ test tín hiệu điện thoại MCC: 02DCDD13X001	Cái	1	
31	02ZCC.B115.0500038	Bộ kiểm tra tín hiệu dây mạng UTP MCC: 02DCD00X038	Cái	1	
32	02ZCC.C305.0001501	Chảo gang MCC: 02CHA150001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
33	02ZCC.D001.0000205	Đồng hồ đo VOM hãng Fluke MCC: 02MDO00X005	Cái	1	
34	02ZCC.D001.0150010	Đồng hồ nạp ga R410A, MCC: 02DHD150001	Cái	1	
35	02ZCC.D001.0150020	Đồng hồ nạp ga R22, MCC: 02DHD150002	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
36	02ZCC.D009.0000079	Dụng cụ kiểm tra cáp mạng máy tính MCC: 02DCD00X079	Cái	1	
37	02ZCC.G003.0130007	Gương soi gầm MCC: 02DCA13X007 (Hỏng 100%)	Cái	1	
38	02ZCC.G003.0130008	Gương soi gầm MCC: 02DCA13X008 (Hỏng 100%)	Cái	1	
39	02ZCC.G003.0160001	Gương soi gầm MCC: 02GSG160001 (Hỏng 100%)	Cái	2	
40	02ZCC.K003.0000070	Kìm bấm đầu mạng RJ-45-AMP, MCC: 02DCD00X070	Cái	1	
41	02ZCC.K100.0000030	Kéo bàn cắt sắt, MCC: 02DCD01X003 (Hỏng 100%)	Cái	1	
42	02ZCC.L003.0200010	loa phát thanh cầm tay có còi hụ, MCC: 02LOA150001	Cái	3	
43	02ZCC.M001.0000010	Máy bộ đàm hỏng các loại	Cái	60	
44	02ZCC.M002.0200210	Máy Fax KX PLB212, MCC: 02MFA01X001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
45	02ZCC.M002.0208002	Máy in/Fax Panasonic KTFT 362, MCC: 02MFA08X002 (Hỏng 100%)	Cái	1	
46	02ZCC.M002.0300009	Máy in LaserJer 1319F (Canon), MCC: 02MIN10X009 (Hỏng 100%)	Cái	1	
47	02ZCC.M002.0300020	Máy in HP Laser 5200 MCC: 02MIN00X020 (Hỏng 100%)	Cái	1	
48	02ZCC.M002.0300028	Máy in Canon 3300, MCC: 02MIN00X028 (Hỏng 100%)	Cái	1	
49	02ZCC.M002.0300040	Máy in Canon LPB 2900, mã CC: 02MIN10X004 (Hỏng 100%)	Cái	1	
50	02ZCC.M002.0400003	Máy in HP 1006, MCC: 02MIN09X003	Cái	1	
51	02ZCC.M002.0400016	Máy in HP 2015, MCC: 02MIN00X016 (Hỏng 100%)	Cái	1	
52	02ZCC.M002.0400020	Máy in kim Epson LQ-2190 MCC: 02MIN13X020 (hỏng 100%)	Cái	1	
53	02ZCC.M002.0400027	Máy in HP Laser Jet P1102, MCC: 02MIN00X027	Cái	1	
54	02ZCC.M002.0400035	Máy in Epson LQ - 2190, MCC: 02MIN00X035 (Hỏng 100%)	Cái	1	
55	02ZCC.M002.0400037	Máy in Epson LQ-2180 MCC: 02MIN00X037 (hỏng 100%)	Cái	1	
56	02ZCC.M002.0400100	Máy in LQ 2180 MCC: 02MIN13X010	Cái	1	
57	02ZCC.M002.0400202	Máy in HP lazer Jet 1200, MCC: 02MIN11X002 (Hỏng 100%)	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
58	02ZCC.M002.0403019	Máy in Epson LQ-2170 MCC: 02MIN13X019 (hỏng 100%)	Cái	1	
59	02ZCC.M002.0409004	Máy in HP MCC: 02MIN09X004 (Hỏng 100%)	Cái	1	
60	02ZCC.M002.0413013	Máy in HP Laser 5200, MCC: 02MINI 13X013 (Hỏng 100%)	Cái	1	
61	02ZCC.M002.0500010	Máy in HP Laserr Fuji Xerox C2535A , MCC: 02MIN14X010	Cái	1	
62	02ZCC.M004.0050002	Máy Photocopy (Hỏng 100%)	Cái	1	
63	02ZCC.M005.0800012	Máy ảnh KTS Sony DSC-W570, MCC: 02CAM00X012 (Hỏng 100%)	Cái	1	
64	02ZCC.M006.0200008	Máy vi tính để bàn Dell của Đội ĐCN "CPU"(không có màn hình) MCC: 02MVT150008	Cái	2	
65	02ZCC.M006.0200009	Máy vi tính để bàn Dell VOS3900MT i5-4460, MCC: 02MVT150009 (Hỏng 100%)	Máy	1	
66	02ZCC.M006.0200084	Máy vi tính để bàn gồm có: CPU, màn hình 15" MCC: 02MVT00X084	Bộ	1	
67	02ZCC.M006.0211003	Máy vi tính gồm CPU, màn hình MCC: 02MVT11X003 (Hỏng 100%)	Cái	1	
68	02ZCC.M006.0214002	Máy vi tính HP Pavillon 500-040L, MCC: 02MVT14X002 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
69	02ZCC.M008.0000010	Máy dò kim loại cầm tay các loại hỏng 100%	Cái	9	
70	02ZCC.M008.0000014	Máy dò kim loại cầm tay, MCC: 02DCA11X014 (Hỏng 100%)	Cái	1	
71	02ZCC.M008.0000015	Máy dò kim loại cầm tay, MCC: 02DCA11X015 (Hỏng 100%)	Cái	1	
72	02ZCC.M008.0150001	Máy dò kim loại cầm tay, MCC: 02MDK150001 (Hỏng 100%)	Cái	3	
73	02ZCC.M120.0400030	Máy cắt sắt Makita 2414B Japan, MCC: 02MCA00X003 (Hỏng 100%)	Cái	1	
74	02ZCC.M120.0617002	Máy cưa lọng JV0600K, MCC: 02MCU170002 (Hỏng 100%)	Cái	1	
75	02ZCC.M158.0100018	Máy khoan vặn vít dùng pin DF030DWE, MCC: 02MKH00X018 (hỏng 100%)	Cái	1	
76	02ZCC.M158.0100022	Máy khoan RSB16RE, MCC: 02MKH00X022 (Hỏng 100%)	Cái	1	
77	02ZCC.M159.0005001	Máy mài góc 9500NB (Makita) MCC: 02MMA00X001	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
78	02ZCC.M200.0200011	Máy ĐHNĐ Toshiba 2 cục 2,5Hp, MCC: 02MDH14X011 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
79	02ZCC.M200.0200027	Máy ĐHNĐ Hitachi loại 2 cục 2,5Hp, MCC: 02MDH13X027 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
80	02ZCC.M200.0200029	Máy ĐHNĐ panasonic loại 2 cục 2,5Hp, MCC: 02MDH13X029 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
81	02ZCC.M200.0200050	Máy ĐHNĐ Sharp 2Hp, MCC: 02MDH13X050 (hỏng 100%)	Bộ	1	
82	02ZCC.M200.0200063	Máy ĐHNĐ Panasonic 2HP, MCC: 02MDH13X063 (hỏng 80%)	Bộ	1	
83	02ZCC.M200.0200078	Máy ĐHNĐ Daikin 2Hp, MCC: 02MDH13X078 (hỏng 100)	Bộ	1	
84	02ZCC.M200.0200084	Máy ĐHNĐ Daikin 2,5Hp, MCC: 02MDH13X084 (hỏng 100%)	Bộ	1	
85	02ZCC.M200.0200086	Máy ĐHNĐ Daikin 2Hp, MCC: 02MDH13X086 (hỏng 100%)	Bộ	1	
86	02ZCC.M200.0200100	Máy ĐHNĐ Daikin 1HP, MCC: 02MDH14X001 (hỏng 100%)	Bộ	1	
87	02ZCC.M200.0200150	Máy ĐHNĐ Daikin 1,5HP, MCC: 02MDH14X015 (hỏng 100%)	Bộ	1	
88	02ZCC.M200.0200400	Máy ĐHNĐ trần SumiKura 2,5HP, MCC: 02MDH160004 (Hỏng 100%)	Cái	2	
89	02ZCC.M200.0201405	Máy ĐHNĐ Panasonic 1,5HP, MCC: 02MDH14X005 (hỏng 100%)	Bộ	1	
90	02ZCC.M200.0201406	Máy ĐHNĐ Panasonic 1,5HP, MCC: 02MDH14X006 (hỏng 100%)	Bộ	1	
91	02ZCC.M200.0209005	Máy ĐHNĐ Carrier 1,5 HP, MCC: 02MDH09X005 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
92	02ZCC.M200.0209006	Máy ĐHNĐ Carrier 1,5 HP, MCC: 02MDH09X006 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
93	02ZCC.M200.0213100	Máy ĐHNĐ Panasonic 2,5HP, MCC: 02MDH13X100 (Hỏng 100%)	Bộ	1	
94	02ZCC.M508.2002010	Máy hàn điện 220V-200A SD200AJ, MCC: 02MHD00X001 (Hỏng 100%)	Cái	2	
95	02ZCC.M508.2008016	Máy hàn que phi an DC Inverter, MCC: 02MHD160001 (hỏng 100%)	Cái	1	
96	02ZCC.M509.0600006	Máy hút chân không 8m3/h, MCC: 02MHU00X006	Cái	1	
97	02ZCC.M510.0200005	Máy phun rửa nước cao áp Cinhell (hỏng 100%)	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
98	02ZCC.M510.0215001	Máy phun cao áp HD5/12C, MCC: 02MPR150001(Hỏng 100%)	Cái	1	
99	02ZCC.M510.0316002	Máy bơm nước công suất1Hp -0,7KW-220V, MCC: 02MBU16002 (hỏng 100%)	Cái	1	
100	02ZCC.M511.0200030	Máy phun hơi nóng MCC: 02MPN00X003	Cái	1	
101	02ZCC.M512.0200004	Máy bơm hóa chất Tacmina - Japan, MCC: 02MBO00X004	Cái	1	
102	02ZCC.M512.0200025	Máy bơm hóa chất 6125-P	Cái	1	
103	02ZCC.M522.0200020	Máy nén khí Roy Engineering 3PH/380V/50Hz, MCC: 02MNK00X002 (Hỏng 100%)	Cái	1	
104	02ZCC.M525.0200001	Máy ép Plastic SunTech 2800, MCC: 02MEP00X001	Cái	1	
105	02ZCC.M570.0000001	Máy thổi lá Husqvama MCC: 02MTH14X001	Cái	1	
106	02ZCC.O002.0160002	Ống nhòm quân sự nga Baigish (ngày), MCC: 02ONH160002 (Hỏng 100%)	Cái	1	
107	02ZCC.Q002.0408001	Quạt đứng Asia D401 MCC: 02QUT08X001 (hỏng 100%)	Cái	1	
108	02ZCC.T002.0000005	Tivi JVC đội xe dẫn MCC: 02DCT09X005 (hỏng 100%)	Cái	1	
109	02ZCC.T008.0000010	Thang nhôm PS-44 MCC: 02THA00X010	Cái	1	
110	02ZCC.T008.0000011	Thang nhôm PS-46 MCC: 02THA00X011	Cái	1	
111	02ZCC.T008.0000025	Thang nhôm MCC: 02THA00X025	Cái	1	
112	02ZCC.T008.0000028	Thang nhôm chữ A44 MCC: 02THA00X028	Cái	1	
113	02ZCC.T008.0200029	Thang nhôm A45, MCC: 02THA00X029 (Hỏng 100%)	Cái	1	
114	02ZCC.T009.0000010	Thùng rác các loại	Cái	2	
115	02ZCC.X002.0000009	Xe đạp Martin AMT 31, mã CC: 02XEE09X001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
116	02ZCC.X002.0000010	Xe đạp các loại hỏng 100%	Chiếc	5	
117	02ZCC.X002.0000011	Xe đạp Martin AMT 31, mã CC: 02XEE11X001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
118	02ZCC.X002.1100002	Xe đạp MCC: 02XEE11X002 (Hỏng 100%)	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
119	02ZCC.X002.1100003	Xe đạp MCC: 02XEE11X003 (Hỏng 100%)	Cái	1	
120	02ZCC.X002.1100004	Xe đạp MCC: 02XEE11X004 (Hỏng 100%)	Cái	1	
121	02ZCC.X002.1300004	Xe đạp MCC: 02XEE13X004 (Hỏng 100%)	Cái	1	
122	02ZCC.X002.1300005	Xe đạp MCC: 02XEE13X005 (Hỏng 100%)	Cái	1	
123	02ZCC.X002.1500006	Xe đạp MCC: 02DP150006 (Hỏng 100%)	Cái	1	
124	02ZCC.X003.0000010	Xe đẩy bị hỏng 100%	Cái	503	
125	02ZCK.B005.1000010	Bánh xe dẫn động ngang(bao gồm vỏ, mâm bánh xe) hỏng 100%	Bộ	6	
126	02ZCK.B005.1060010	Bánh xe PU	Cái	2	
127	02ZCK.B030.3100010	Bộ phanh thang cuốn còn lại 10%	Cái	1	
128	02ZCK.B040.3100021	Bộ xích dẫn động tép thang cuốn Mitshubishi ESN 3G11 (Hỏng)	Bộ	1	
129	02ZCK.C005.0000010	Cart nhôm	Cái	17	
130	02ZCK.C120.1000021	Cuộn thắng của motor thang đi bộ Schindler MSN 2131	Cái	1	
131	02ZCK.C130.1000020	Cụm đỡ bánh xe cầu thang bộ các loại	Cái	4	
132	02ZCK.K201.0000025	Khung đỡ lá tapi	Cái	186	
133	02ZCK.K201.0200018	Khung băng chuyền các loại (Hỏng 100%)	Cái	9	
134	02ZCK.M001.0000011	Mô tơ các loại (hỏng 100%)	Cái	12	
135	02ZCK.M001.0000012	Mô tơ và hộp số	Bộ	8	
136	02ZCK.M001.1001010	Mô tơ dẫn động ngang hỏng	Cái	1	
137	02ZCK.M030.3100010	Mô tơ KS000C648 còn lại 10%	Cái	2	
138	02ZCK.M125.0000018	Máng trượt	Cái	1	
139	02ZCK.R002.0000010	Ru lô chủ động B/c phi 185x960	Cái	15	
140	02ZCK.R002.0001001	Ru lô các loại hỏng	Cái	36	
141	02ZCK.R002.2000010	Ru lô máy soi các loại	Cái	4	
142	02ZDH.B002.0000010	Bạc đạn các loại hỏng 100%	Cái	2	
143	02ZDH.B005.0000010	Bơm định lượng hóa chất 230VAC (Hỏng 100%)	Cái	2	
144	02ZDH.C001.0000008	Cánh quạt hướng trục	Cái	7	
145	02ZDH.D001.0000250	Dàn lạnh máy ĐHNĐ Đaikin 2.5 Hp	Cái	2	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
146	02ZDH.D002.0000201	Dàn nóng máy ĐHNĐ Daikin 2,5HP (Hỏng 100%)	Cái	1	
147	02ZDH.D008.0000010	Đồng hồ áp suất	Cái	30	
148	02ZDH.M001.0002000	Máy ĐHNĐ Daikin 2 cục, 1,5HP hỏng 100%	Bộ	1	
149	02ZDH.M001.0002001	Máy ĐHNĐ 2 cục DAIKIN 24.000BTU hỏng 100%	Bộ	5	
150	02ZDH.M001.0002003	Máy ĐHNĐ 2 cục Daikin 2HP hỏng 100%	Bộ	4	
151	02ZDH.M001.0003003	Máy ĐHNĐ 2 cục Panasonic hỏng 60%	Bộ	1	
152	02ZDH.M001.0005010	Máy ĐHNĐ 2 cục các loại hỏng từ 80% - 100%	Bộ	12	
153	02ZDH.M002.0000010	Máy nén các loại hỏng	Cái	11	
154	02ZDH.M003.0000011	Mô tơ quạt các loại	Cái	17	
155	02ZDH.M003.0001010	Mô tơ bơm nước ,công suất 2Hp, 220VAC	Cái	1	
156	02ZDH.M004.0200010	Máy lọc không khí (Air Space)	Cái	2	
157	02ZDH.O001.0000010	Ống đồng	Kg	57.6	
158	02ZDH.Q001.0000010	Quạt lồng sóc các loại	Cái	1	
159	02ZDI.B003.0500010	Bộ biến tần	Cái	1	
160	02ZDI.B015.0000010	Bộ chống sét các loại	Cái	5	
161	02ZDI.C001.0000010	Cáp các loại	Kg	63	
162	02ZDI.C003.0000011	Cột đèn sắt (Hỏng)	Cái	4	
163	02ZDI.C004.0300035	Công tắc tơ các loại (hỏng 100%)	Cái	2	
164	02ZDI.C301.0000010	Chóa đèn các loại	Cái	119	
165	02ZDI.M001.0000010	Máy sấy tay	Cái	2	
166	02ZDI.M003.0000010	MCCB các loại	Cái	3	
167	02ZDI.Q001.0001501	Quạt hút các loại	Cái	5	
168	02ZDI.T002.0001010	Tủ điện các loại	Cái	11	
169	02ZDI.V001.0000010	Vỏ tủ điện các loại	Cái	2	
170	02ZKH.B040.0000010	Bệ quay mâm (Hỏng 100%)	Cái	1	
171	02ZKH.L005.0000010	Lốc lạnh	Cái	1	
172	02ZKH.M005.0000010	Mô tơ đề	Cái	1	
173	02ZTS.M102.0100015	Màn hình LCD 32"->40"của HT FIDS ga QN (97cái hỏng 80%) MTSHT: 1213H010015	Cái	97	
174	02ZTS.T701.0400010	TT điều phối điện nguồn (ACB-3P-2000A-55KA-440VAC) MTS: 1205T040001	Cái	5	
175	02ZTS.M105.0400026	Máy in thẻ IER 506	Cái	1	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
176	02ZVT.B001.0000010	Bộ chuyển mạch (Switch)	Cái	6	
177	02ZVT.B002.0000010	Bàn phím hỏng 100%	Cái	18	
178	02ZVT.C001.0000010	CPU hỏng 100%	Cái	30	
179	02ZVT.M001.0000010	Máy in Oki 320	Cái	16	
180	02ZVT.M002.0000011	Máy đọc mã vạch (Hỏng 100%)	Cái	1	
181	02ZVT.M002.0001010	Máy đọc thẻ lên tàu	Cái	15	
182	02ZVT.M002.0001011	Máy in thẻ IER các loại	Cái	77	
183	02ZVT.M003.0000012	Màn hình 12.1"	Cái	1	
184	02ZVT.M003.0000017	Màn hình vi tính 17"+19"	Cái	37	
185	02ZVT.M003.0000021	Màn hình vi tính CRT 21"	Cái	2	
186	02ZVT.M003.0000032	Màn hình LCD 32 "	Cái	15	
187	02ZVT.M003.0000039	Màn hình 39"	Cái	38	
188	02ZVT.M003.0000040	Màn hình LCD 40"+42"	Cái	7	
189	02ZXD.B003.0010001	Bục inox quầy kiểm soát an ninh	Cái	23	
190	02ZXD.B005.0000011	Bản lề	Cái	17	
191	02ZXD.B501.0010060	Bồn cầu	Cái	3	
192	02ZXD.B501.0100050	Bồn tiểu nam caesar:UO292-PW	Cái	3	
193	02ZXD.C003.0001010	Cửa kính cường lực	Cái	12	
194	02ZXD.C003.0001501	Cửa nhôm kính các loại	Cái	50	
195	02ZXD.C003.0001502	Cửa đi tay nắm bằng sắt các loại từ 0.950->1.850 x2.125m	Cái	2	
196	02ZXD.K002.0000010	Kệ sắt	Cái	25	
197	02ZXD.K005.0000010	Kính 10.0mm các loại	Tấm	193	
198	02ZXD.K502.0000010	Khớp nối các loại	Cái	7	
199	02ZXD.L001.0000010	Lavabô	Cái	2	
200	02ZXD.T001.0100010	Tấm trần nhôm (VT thu hồi từ ga QN)	Tấm	136	
201	02ZXD.T002.0000010	Tôn kẽm lợp mái các loại	Tấm	29	
202	02ZXD.T501.0000010	Thanh (khung)nhôm các loại	Kg	970	
203	02ZXD.T801.0130001	Thiết bị bảo trì (thiết bị lau kính) MTS: 1299T130001	Cái	1	
204	02ZXD.V003.0000010	Van các loại	Cái	11	
205	02ZXD.V009.0000010	Vòi các loại	Cái	17	
206	02ZCC.D105.0100130	Điện thoại nội bộ Intercom của HT băng chuyền hành lý BHS	Cái	1	
207	02ZDH.B004.0000011	Bơm chìm công suất 11KW (hỏng 100%)	Cái	2	
208	02ZDH.H006.0004000	Hộp gió (Box gió) các loại	Cái	40	
209	02ZDH.O001.0020002	Ống gió các loại	Kg	275	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
210	02ZDI.C001.0000010	Cáp các loại	Kg	985	
211	02ZDI.C003.0000010	Cột đèn sắt 6m hỏng 50% (12/07)	Cái	2	
212	02ZDI.C301.0000010	Chóa đèn các loại	Cái	15	
213	02ZDI.D501.0000010	Đồng hồ điện các loại	Cái	1	
214	02ZDI.D520.0000010	Đầu báo nhiệt	Cái	22	
215	02ZDI.M105.0000020	Mô tơ cửa	Cái	10	
216	02ZDI.Q001.0001501	Quạt hút các loại	Cái	2	
217	02ZVT.B002.0000010	Bàn phím hỏng 100%	Cái	2	
218	02ZVT.B002.0200015	Bàn điều khiển (BHS Console)	Cái	1	
219	02ZVT.C001.0000010	CPU hỏng 100%	Cái	2	
220	02ZVT.M003.0000017	Màn hình vi tính 17"+19"	Cái	2	
221	02ZVT.M003.0000070	Màn hình 70"	Cái	1	
222	02ZXD.B005.0000011	Bản lề	Cái	2	
223	02ZXD.C003.0000010	Cửa cuốn	Bộ	5	
224	02ZXD.C003.0001501	Cửa nhôm kính các loại	Cái	63	
225	02ZXD.C003.0001502	Cửa đi tay nắm bằng sắt các loại từ 0.950->1.850 x2.125m	Cái	40	
226	02ZXD.C020.0000010	Co các loại từ DN 20 -> DN80	Cái	40	
227	02ZXD.G105.0000010	Giò hơi cửa	Cái	12	
228	02ZXD.K002.0000010	Kệ sắt	Cái	1	
229	02ZXD.K005.0000010	Kính 10.0mm các loại	Tấm	186	
230	02ZXD.K501.0200060	Khung nhôm kính	Khung	155	
231	02ZXD.N002.0000010	Nhôm vụn trong tấm lấy sáng	Kg	170	
232	02ZXD.O001.0000010	Ống sắt các loại	Kg	669.7	
233	02ZXD.O006.0000010	Ổ khóa các loại	Cái	14	
234	02ZXD.S001.0204141	Sắt I các loại từ I150 ->I250 x 100->150 x 1200->6000mm	Cây	73	
235	02ZXD.S001.1000010	Sắt vụn	Kg	3,568	
236	02ZXD.S001.1000211	Sắt tấm các loại	Tấm	1	
237	02ZXD.T001.1010102	Tấm nhôm mái canopy (ốp mái canopy)	Kg	685	
238	02ZXD.T003.0000020	Tay nắm cửa	Cái	2	
239	02ZXD.T005.0200010	Tủ chữa cháy vách tường ngoài nhà còn 40%	Cái	4	
240	02ZXD.T501.0000010	Thanh (khung)nhôm các loại	Kg	2,904	

STT	Mã Vật Tư	Tên Vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
241	02ZXD.X501.0000010	Xương trần la phông hỏng	Kg	150	
242	02ZCC.B006.0000010	Bình nước nóng lạnh (hỏng 100%)	Cái	1	
243	02ZCC.D105.0300161	Điện thoại Iphone 5S, MCC: 01DTH160001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
244	02ZCC.M002.0400301	Máy in kim Epson LQ300, MCC: 01MIN13X001 (Hỏng 100%)	Cái	1	
245	02ZCC.M002.0417018	Máy in M130FN, MCC: 01ML4170018 (Hỏng 100%)	Cái	1	
246	02ZCC.M002.0417019	Máy in M130FN, MCC: 01ML4170019 (Hỏng 100%)	Cái	1	
247	02ZCC.M002.0417036	Máy in laser HP2105, MCC: 01ML4170036 (Hỏng 100%)	Cái	1	
248	02ZCC.M002.0417037	Máy in laser HP 3015, MCC: 01ML4170037 (Hỏng 100%)	Cái	1	
249	02ZCC.M002.0600011	Máy in màu Fuji Xerox C2535A MCC: 01MIN08X011 (Hỏng 100%)	Cái	1	
250	02ZCC.M002.0600302	Máy in màu Fuji Xerox, MCC: 01MIN13X002 (Hỏng 100%)	Cái	1	
251	02ZCC.M006.0400063	Máy vi tính (chỉ có CPU, không có màn hình) MCC: 01MVT13X063 (Hỏng 100%)	Cái	4	
252	02ZTS.M205.0100013	Máy photo Ricoh Aficio MP 4000B, MTS: 1419M010013 (Hỏng 100%)	Cái	1	
253	02ZVT.C001.0000010	CPU hỏng 100%	Cái	5	
254	02ZVT.M001.0000011	Máy in các loại (Hỏng 100%)	Cái	1	
255	02ZVT.M003.0000017	Màn hình vi tính 17"+19"	Cái	4	
	TỔNG				

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Hòa

QUYỀN GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-003 C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
-CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
ĐƠN VỊ : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

PHỤ LỤC 03
VẬT TƯ KHÔNG SỬ DỤNG THANH LÝ

(Theo thông báo số 787/TB-CHKQTTSN ngày 01 tháng 4 năm 2021)

Stt	Mã số	Mặt hàng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	02VPP.S001.0000010	Sổ tham số KT Đài NDB	cuốn	20	Không sử dụng
2	02VPP.S001.0000011	Sổ TSKT hệ thống đèn hiệu HK	Cuốn	24	Không sử dụng
3	02VPP.S001.0000012	Sổ TSKT hệ thống Chiller	Cuốn	1	Không sử dụng
4	02VPP.S001.0000013	Sổ TSKT xe cắt cỏ tẩy vệt	Cuốn	3	Không sử dụng
5	02VPP.S001.0000014	Sổ TSKT xe kéo đẩy máy bay	Cuốn	11	Không sử dụng
6	02VPP.S001.0000015	Sổ TSKT xe ôtô	Cuốn	15	Không sử dụng
7	02BCH.C007.0000010	Con lăn đỡ	Cái	200	Không sử dụng
8	02BCH.C007.0500010	Con lăn phi 54x16	Cái	200	Không sử dụng
9	02BCH.K504.0100100	Khung đỡ lá dạng phẳng tapi Ovan Vanderlande	Cái	6	Không sử dụng
10	02BCH.P001.0000011	Puli răng chủ động Ovan 205mm	Cái	1	Không sử dụng
11	02BCH.X001.0000010	Xích dự phòng	Cái	1	Không sử dụng
12	02COL.M003.0000010	Màn hình cảm ứng 15inch	Cái	1	Không sử dụng
13	02DIE.C501.0601000	Chóa đèn Flood Ligh 1000W Astra HST/HQIT	Cái	2	Không sử dụng
14	02DIE.C501.1701040	Chóa + t.phô- 400W	Bộ	1	Không sử dụng
15	02DIE.D504.0100910	Đèn L9 MBS 1451xCDM-035T/C 220V,50Hz	Bộ	26	Không sử dụng
16	02DIE.D504.0101510	Đèn L15 MBF 205	Bộ	21	Không sử dụng
17	02IMU.B002.2375640	Bánh răng 38 răng S2M	Cái	10	Không sử dụng
18	02IMU.B015.1089990	Bộ ổ cắm lọc nguồn	Cái	2	Không sử dụng
19	02IMU.C003.4466100	Cảm biến chuyển động (Sensor assembly	Cái	10	Không sử dụng
20	02IMU.D001.1047780	Dây đai 338 răng 676 mm	Cái	5	Không sử dụng
21	02IMU.D002.0375610	Dao cắt giấy	Cái	10	Không sử dụng
22	02IMU.D505.0371500	Định hướng giấy	Cái	3	Không sử dụng
23	02IMU.L001.2379120	Lò xo Spring torsion	Cái	12	Không sử dụng
24	02IMU.L001.2461350	Lò xo Spring torsion	Cái	10	Không sử dụng
25	02IMU.L001.2463370	Lò xo Spring torsion	Cái	10	Không sử dụng
26	02IMU.L001.3373800	Lò xo Spring compression	Cái	10	Không sử dụng
27	02IMU.L001.4376820	Lò xo ép đầu in từ	Cái	2	Không sử dụng
28	02IMU.N002.5365010	Nút chặn M4 D8	Cái	10	Không sử dụng
29	02IMU.O001.0517116	Ốc nối M3 x12	Cái	5	Không sử dụng
30	02IMU.O001.1534205	Ốc CB 3x6	Cái	20	Không sử dụng

Stt	Mã số	Mặt hàng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
31	02IMU.O001.2541802	Ốc TCB K30 x 10	Cái	10	Không sử dụng
32	02IMU.O001.2541902	Ốc TCB M3 x10	Cái	10	Không sử dụng
33	02IMU.O001.2541905	Ốc TCB M4 x 10	Cái	30	Không sử dụng
34	02IMU.O001.2541907	Ốc TCB M4 x 6	Cái	10	Không sử dụng
35	02IMU.T501.0371360	Trục bánh răng BIN	Cái	8	Không sử dụng
36	02IMU.T501.1461200	Trục lăn (Drive assembly)	Cái	8	Không sử dụng
37	02IMU.T501.1466630	Trục lăn	Cái	5	Không sử dụng
38	02IMU.T501.2466700	Trục đầu in nhiệt	Cái	3	Không sử dụng
39	02MSC.R002.0000010	Ru lô tracking	Cái	2	Không sử dụng
40	02MSC.R002.0001010	Ru lô take up	Cái	2	Không sử dụng
41	02MSC.R002.0002010	Ru lô Spare	Cái	2	Không sử dụng
42	02MSC.R002.0105010	Ru lô đỡ Tapi D50 x L1090mm	Bộ	8	Không sử dụng
43	02VTI.B001.0000010	Băng	Cái	1	Không sử dụng
44	02VTI.B007.0000010	Bộ định tuyến Ethernet	Cái	1	Không sử dụng
45	02VTI.L001.0000010	Lò xo	Cái	10	Không sử dụng
46	02VTI.O001.0007340	ổ cứng IBM SCSI U320 73.4GB 10K	Cái	14	Không sử dụng
47	02VTI.O001.0107280	ổ cứng SCSI Ultra 320 72.8GB 15000 rpm HP	ổ	2	Không sử dụng
48	02DDB.B018.0450210	Biến thế cộng hưởng cao thế	Cái	1	Không sử dụng
49	02MGA.G501.0000010	Giải điều chế B/EIRIG 4600 IRIG (yêu cầu tín hiệu IRIG tương tự)	Cái	1	Không sử dụng
50	02XTV.D505.0000010	Đĩa thắng	cái	2	Không sử dụng
51	02XTV.H001.0090030	Hộp đèn sau	cái	1	Không sử dụng
52	02XTV.H001.0091030	Hộp đèn sau phải	cái	1	Không sử dụng
	TỔNG CỘNG:				

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Hòa

QUYỀN GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-003-C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q.TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
ĐƠN VỊ : CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

PHỤ LỤC 04

DANH MỤC TÀI SẢN VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ THANH LÝ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG LIÊN KHƯƠNG

(Theo thông báo số 787/TB-CHKQTTSN ngày 01 tháng 4 năm 2021)

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Đvt	Số lượng	Ghi chú
I	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ**				
1	Cổng từ ktra AN Seri HS-4X -SBLK	1210C010008	Cái	1	Cảng Liên Khương
2	Cổng từ Rapiscan Metor 300 CHK Liên Khương	1210C010021	Cái	1	Cảng Liên Khương
3	Máy chà sàn Nilfisk Advance CA531-EU - CHK Liên Khương	1220M020013	cái	1	Cảng Liên Khương
4	Xe Toyota Hiace cứu thương SB LK 49B-0343	1302X020007	Bộ	1	Cảng Liên Khương
II	**CÔNG CỤ DỤNG CỤ THANH LÝ**				
1	Máy photocopy	04MPO10X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
2	Máy sạc bình HANSIN	04DCK09X005	Cái	1	Cảng Liên Khương
3	Máy phát điện KUBOTA	04MPH09X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
4	Cọc dây giăng nhà ga	04CDG13X001	Cái	30	Cảng Liên Khương
5	Xe lăn P.vụ người tàn tật	04XEE11X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
6	Xe lăn P.vụ người tàn tật	04XEE11X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
7	Tủ lạnh LG 48 lít		Cái	22	Cảng Liên Khương
8	Tủ lạnh LG 48 lít		Cái	14	Cảng Liên Khương
9	Quạt đứng		Cái	34	Cảng Liên Khương
10	Ghế nệm xoay Fumi	04BDA14X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
11	Ghế nệm xoay Fumi	04BDA14X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
12	Ghế nệm xoay Fumi	04BDA14X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
13	Ghế nệm xoay Fumi	04BDA14X004	Cái	1	Cảng Liên Khương
14	Máy cắt cỏ Robin 411	04BGL14X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
15	Máy hút bụi Hitachi	04MHU10X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
16	Máy cắt cỏ Robin 411	04TBK14X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
17	Salon nệm mút	04BGL10X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
18	Salon nệm mút	04BGL10X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
19	Bộ salong dệm mút trạm	04GBGL97X001	Cái	2	Cảng Liên Khương
20	Bộ Sô fa	04BGL97X008	Cái	1	Cảng Liên Khương
21	Máy dò kim loại Garet	04DCA07X006	Cái	1	Cảng Liên Khương
22	Máy dò kim loại Garet	04DCA07X007	Cái	1	Cảng Liên Khương
23	Gương soi gầm xe	04DCA09X029	Cái	1	Cảng Liên Khương
24	Đèn pin A.N	04DCD13X001	Cái	7	Cảng Liên Khương
25	Đèn pin Wasing	04DPI170001	Cái	16	Cảng Liên Khương

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Đvt	Số lượng	Ghi chú
26	Điện thoại bàn An ninh	04DTH13X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
27	Máy dò kim loại	04MDK150001	Cái	3	Cảng Liên Khương
28	Bộ bàn ghế tiếp khách An ninh	04BGL14X006	Cái	1	Cảng Liên Khương
29	Bộ bàn ghế tiếp khách An ninh	04BGL14X007	Cái	1	Cảng Liên Khương
30	M. bộ đàm mẹ KENWOOD TM261A	04BDA00X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
31	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA06X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
32	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA06X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
33	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA06X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
34	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA06X004	Cái	1	Cảng Liên Khương
35	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA06X005	Cái	1	Cảng Liên Khương
36	Máy bộ đàm MOTOZOLA	04BDA07X006	Cái	1	Cảng Liên Khương
37	Máy ghi âm CENIX VR-W600J	04DCA09X042	Cái	1	Cảng Liên Khương
38	Gậy đánh tín hiệu	04DCA13X001	Cái	2	Cảng Liên Khương
39	Convertter đường truyền AMHS	04DCK14X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
40	Convertter đường truyền AMHS	04DCK14X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
41	Máy hút bụi Hitachi	04MHU10X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
42	Máy in laser canon 2900	04MIN11X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
43	Máy đọc thẻ lên tàu Honeywell 4600G	04MIN11X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
44	Máy đọc thẻ lên tàu Honeywell 4600G	04MIN11X003	cái	1	Cảng Liên Khương
45	Máy đọc thẻ lên tàu Honeywell 4600G	04MIN11X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
46	Bộ máy tính HP DX2810MT + LCD 17" L1710	04MVT09X009	Cái	1	Cảng Liên Khương
47	Bộ máy tính HP DX2810MT + LCD 17" L1710	04MVT09X010	Cái	1	Cảng Liên Khương
48	Bộ máy tính HP DX2810MT + LCD 17" L1710	04MVT09X011	Cái	1	Cảng Liên Khương
49	Bộ máy tính HP DX2810MT + LCD 17" L1710	04MVT09X012	Cái	1	Cảng Liên Khương
50	Bình ắc quy N200 Panasonic	04OAP09X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
51	Bình ắc quy N200 Panasonic	04OAP09X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
52	Máy chụp ảnh KTS SONY 13.0	04CAM09X001	Cái	1	Cảng Liên Khương
53	Máy camera KTS-HDR-XR 100E	04CAM09X007	Cái	1	Cảng Liên Khương
54	Đèn thả trần	04DCK12X004	Cái	10	Cảng Liên Khương
55	Đèn chiếu tranh	04DCK12X005	Cái	20	Cảng Liên Khương
56	Đèn downlight	04DCK12X006	Cái	60	Cảng Liên Khương
57	Đèn âm trần	04DCK12X007	Cái	18	Cảng Liên Khương
58	Đèn huỳnh quang âm trần	04DCK12X008	Cái	78	Cảng Liên Khương
59	Máng chụp đèn	04DCK12X009	Cái	1	Cảng Liên Khương
60	Công tắc đôi	04DCK12X010	Cái	10	Cảng Liên Khương
61	Ổ cắm ba chấu	04DCK12X011	Cái	12	Cảng Liên Khương
62	Ổ cắm điện, điện thoại	04DCK12X012	Cái	2	Cảng Liên Khương

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Đvt	Số lượng	Ghi chú
63	Ổ cắm mạng	04DCK12X013	Cái	1	Cảng Liên Khương
64	Điện thoại bàn Panasonic	04DTH10X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
65	Điện thoại bàn Panasonic	04DTH10X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
66	Điện thoại bàn Panasonic	04DTH10X004	Cái	1	Cảng Liên Khương
67	Điện thoại bàn Panasonic	04DTH10X005	Cái	1	Cảng Liên Khương
68	Ghế xoay VP Hòa Phát - Tổ Thương vụ	04GLV150005	Cái	9	Cảng Liên Khương
69	Dụng cụ khác	04KHA160002	Cái	4	Cảng Liên Khương
70	Lò nướng bánh mỳ Philip	04LNU170001	Cái	1	Cảng Liên Khương
71	Quầy làm thủ tục Checkin	04QUA08X002	Cái	1	Cảng Liên Khương
72	Quầy làm thủ tục Checkin	04QUA08X003	Cái	1	Cảng Liên Khương
73	Quầy làm thủ tục Checkin	04QUA08X004	Cái	1	Cảng Liên Khương
74	Quầy làm thủ tục Checkin	04QUA08X005	Cái	1	Cảng Liên Khương
75	Đèn bàn (TS khách sạn bàn giao)		Cái	14	Cảng Liên Khương
76	Điện thoại bàn (TS khách sạn bàn giao)		Cái	39	Cảng Liên Khương
77	Ti vi LG 21 inch (TS khách sạn bàn giao)		Cái	4	Cảng Liên Khương
78	Ti vi SASUNG 21 inch (TS khách sạn bàn giao)		Cái	16	Cảng Liên Khương
79	Ti vi SANYO 21 inch (TS khách sạn bàn giao)		Cái	6	Cảng Liên Khương
80	Ti vi JVC 21 inch (TS khách sạn bàn giao)		Cái	11	Cảng Liên Khương
81	Ti vi SONY 14 inch (TS khách sạn bàn giao)		Cái	2	Cảng Liên Khương

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Hòa

QUYỀN GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-001 C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q.TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường